

Bản án số: 42/2026/HS-ST
Ngày 17-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Đình Thi
- Ông Nguyễn Hồng Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tổng Thị Nghĩa- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2026, đối với:

- **Bị cáo:** NGUYỄN VĂN T, sinh ngày 01/01/1995 tại: Tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn T, xã L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Chu Thị T1; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/4/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh T (Cố mật).

* **Những người tham gia tố tụng:** Không

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 15 phút ngày 12/4/2026, tại tổ dân phố A, phường H, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Nguyễn Văn T đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,11g (không phải một một gam) ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng thì bị tổ Công

tác của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T phối hợp với Công an phường H, tỉnh Tuyên Quang phát hiện bắt quả tang cùng toàn bộ tang vật.

Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo T khai nhận:

Ngày 10/4/2026, do có nhu cầu sử dụng ma túy, bị cáo một mình đón xe taxi của một người đàn ông (*không rõ nhân thân, lai lịch*) từ chỗ làm tại tổ dân phố A, phường H, tỉnh Tuyên Quang đến khu vực K, xã V, tỉnh Tuyên Quang mục đích tìm mua ma túy để sử dụng. Đến nơi, bị cáo trả tiền taxi rồi xuống xe đi bộ được một đoạn thì gặp một người đàn ông (*không rõ nhân thân, lai lịch*) đang đứng ở lề đường bên phải có biểu hiện giống người sử dụng ma túy nên bị cáo đến gần hỏi: “Anh có biết ai bán đá không? Em muốn mua ba trăm?”, người đàn ông trả lời: “Đưa tiền đây rồi đợi anh một lúc”, bị cáo đưa cho người đàn ông đó 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) rồi đứng đợi. Khoảng 20 phút sau người đàn ông quay lại đưa cho bị cáo 01 túi nilon màu trắng, viền miệng màu xanh được đóng kín, bên trong chứa ma túy đá. Mua được ma túy, bị cáo cất vào túi quần phía sau bên phải đang mặc rồi đón xe về chỗ làm việc thuộc tổ dân phố A, phường H, tỉnh Tuyên Quang. Khi về đến nơi, bị cáo tìm chỗ vắng người rồi lấy một phần ma túy trong gói ma túy mua được một mình sử dụng bằng hình thức đốt, hít ma túy vào cơ thể, phần ma túy còn lại bị cáo gói lại như cũ rồi cất giấu trong người. Đến khoảng 21 giờ ngày 12/4/2026, bị cáo lấy túi ma túy cho vào mảnh giấy bạc màu vàng gói lại rồi cất giấu vào túi quần bên phải phía sau đang mặc, đi bộ tìm chỗ vắng người thuộc tổ dân phố A, phường H, tỉnh Tuyên Quang để sử dụng ma túy thì bị tổ Công tác của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T phát hiện. Bị cáo đã giao nộp 01 gói giấy bạc màu vàng bên trong có túi nilon màu trắng, viền miệng màu xanh được đóng kín, trong cùng chứa chất tinh thể màu trắng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong nước tiểu đối với Nguyễn Văn T. Kết quả xét nghiệm trong nước tiểu của Nguyễn Văn T dương tính với chất ma túy. Quá trình điều tra xác định, bị cáo T không thuộc trường hợp đang tham gia điều trị cai nghiện hoặc quản lý sau cai nghiện.

Tại Biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định hồi 08 giờ 00 phút ngày 13/4/2026 tại Phòng K1 Công an tỉnh T xác định: 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước bì ghi “Tang vật thu giữ của Nguyễn Văn T, ngày 12/4/2026”, mặt sau phong bì có 05 (năm) hình dấu tròn đỏ của Công an phường H và các chữ ký, chữ viết của thành phần tham gia niêm phong, bên trong có: 01 (một) gói giấy bạc màu vàng, kích thước (1,9x1,6)cm, bên trong gói giấy bạc có 01 (một) túi nilon màu trắng, viền miệng túi màu xanh, kích thước (2,1x1,6)cm bên trong túi chứa chất tinh thể màu trắng. Tiến hành cân tịnh số chất tinh thể màu trắng có khối lượng 0,11g (*không thấy mười một gam*), thu 0,06g (*không thấy không sáu gam*) để làm mẫu giám định, ký hiệu A1.

Tại bản kết luận giám định số: 723/KL-KTHS, ngày 21/4/2026 của **Phòng K1 Công an tỉnh T**, kết luận: Mẫu cần giám định ký hiệu A1 là chất ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,11g (*không thấy một một gam*).

* Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** đã tiến hành thu giữ tài liệu, đồ vật sau:

- 01 (*một*) gói giấy bạc màu vàng, bên trong có 01 (*một*) túi nilon màu trắng có viền miệng túi màu xanh được đóng kín, bên trong có chứa 0,11 gam (*không thấy một một gam*) chất ma túy, loại Methamphetamine.

- 01 (*một*) Điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu oppo, màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong được niêm phong trong một phong bì dán kín, mặt trước ghi "Điện thoại tạm giữ của **Nguyễn Văn T**, ngày 12/4/2026", mặt sau các mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia cùng hình dấu của **Công an phường H**, tỉnh Tuyên Quang.

* Về trách nhiệm dân sự: Không

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKSKV4 ngày 30/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang, truy tố bị cáo **Nguyễn Văn T** về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo **Nguyễn Văn T** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang giữ nguyên quyết định truy tố đối bị cáo **Nguyễn Văn T** về tội danh, điều luật như cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 13/4/2026.

- Hình phạt bổ sung: Không

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 bộ luật tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện theo đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo, do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 21 giờ 15 phút ngày 12/4/2026, tại **tổ dân phố A, phường H, tỉnh Tuyên Quang** bị cáo **Nguyễn Văn T** đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,11g (*không thấy một một gam*) ma túy loại Methamphetamine với mục đích để bản thân sử dụng thì bị tố Công tác của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** phối hợp với **Công an phường H**, tỉnh Tuyên Quang phát hiện bắt quả tang cùng toàn bộ vật chứng.

[3]. Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

a).....

*c) Heroine, **C**, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”*

[4]. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo **Nguyễn Văn T** đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[5]. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt đề nghị là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[6]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội và pháp luật xã hội chủ nghĩa. Ma túy là loại độc dược có tính gây nghiện cao, hủy hoại sức khỏe con người, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác nên Nhà nước nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng các chất ma túy. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ tác hại của ma túy và hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị

cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Không

[11]. Về vật chứng vụ án: 01 (một) gói giấy bạc màu vàng, bên trong có 01 (một) túi nilon màu trắng có viền miệng túi màu xanh được đóng kín, bên trong có chứa 0,11 gam (không thấy một một gam) chất ma túy, loại Methamphetamine. Xét thấy, đây là vật chứng nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[12]. 01 (một) Điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Oppo, màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong được niêm phong trong một phong bì dán kín, mặt trước ghi "Điện thoại tạm giữ của Nguyễn Văn T, ngày 12/4/2026", mặt sau các mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia cùng hình dấu của Công an phường H, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không sử dụng chiếc điện thoại trên để thực hiện hành vi phạm tội, do vậy trả lại cho bị cáo.

[13]. Đối với hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo, ngày 27/5/2026, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 124/QĐ-XPHC, quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 30 Nghị định 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ, hình thức phạt: Cảnh cáo là phù hợp.

[14]. Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo vào ngày 10/4/2026 tại khu vực Km28, xã V, tỉnh Tuyên Quang, quá trình điều tra chưa làm rõ được nhân thân, lai lịch của người đàn ông này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[15]. Đối với người đàn ông lái xe taxi chở bị cáo xuống mua ma túy tại Km28 xã V, tỉnh Tuyên Quang và người đàn ông lái taxi chở bị cáo về tổ A, phường H, tỉnh Tuyên Quang sau khi bị cáo mua được ma túy, do không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[16]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[17]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 47; Điều 50 của Bộ luật hình sự; Điều 106; khoản 2, điều 136; Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".
 2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 13/4/2026.
 3. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam đối với bị cáo **Nguyễn Văn T** với thời hạn là 45 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 17/7/2026.
 4. Hình phạt bổ sung: Không.
 5. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:
 - Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) túi niêm phong mã số PS3: 23046717.
 - Trả lại cho bị cáo **Nguyễn Văn T**: 01 (một) Điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu oppo, màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong được niêm phong trong một phong bì dán kín, mặt trước ghi "*điện thoại tạm giữ của Nguyễn Văn T, ngày 12/4/2026*", mặt sau các mép dán có chữ ký của các thành viên tham gia cùng hình dấu của **Công an phường H**, tỉnh Tuyên Quang.
- (*Vật chứng được ghi trong biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh T ngày 23/4/2026*).
6. Về án phí: Buộc bị cáo **Nguyễn Văn T** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.
 7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV 4 - Tuyên Quang;
- PC02; PC10 CA tỉnh Tuyên Quang;
- Trại TG số 02 CA T. Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, BPHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đình T2 + Nguyễn Hồng T3

Lê Thị Thanh B